TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY PHONG** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: **01**/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 12/02/2020
V/v: "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG -TỈNH BÌNH THUẬN

-Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Lý Văn Lấy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Anh Tuấn
2. Bà Thái Thị Dung

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Dung- Kiểm sát viên.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Việt Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

Ngày 12 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 379/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2019 về việc: *"Ly hôn, chia tài sản chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2019, và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 02 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn*:** Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1972; Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Bình Thuận

***2. Bị đơn*:** Ông **Trần Đình C**, sinh năm 1971; Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Bình Thuận

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện nộp ngày 09/7/2019, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà **Trần Thị H** trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Đình C tự nguyên xác lập quan hệ vợ chồng năm 1992 và có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện A, tỉnh Hà Tĩnh, đến năm 2011 đăng ký kết hôn lại tại UBND xã T, huyện Tuy Phong lý do Giấy chứng nhận trước đó đã nhào nát không còn.

Trong cuộc sống chung vợ chồng, thời gian đầu sống hạnh phúc, đến năm 2005 vợ chồng sống không hạnh phúc nữa và đã xảy ra nhiều mâu thuẫn lớn nhỏ

do ông C thường xuyên vô cớ bạo lực gia đình, có tính gia trưởng, bài bạc, rượu chè bê tha dẫn đến nợ nần, bỏ bê không quan tâm gì đến vợ con. Khi bà nhắc nhở, góp ý thì bị ông C đánh rất giả man, ngoài ra ông C còn có tính côn đồ với người ngoài và đã có 02 tiền án về tội cướp giật và tội gây rối, khi đó bà là trực tiếp chăm lo con cái, lo cho ông lúc ông còn ở trong trại nhưng khi ra trại vài tháng sau tiếp tục đánh vợ, ông C không hề thay đổi tính tình, tánh nào tật đó, bà đã chịu đựng hơn 25 năm nay, vợ chồng bà chính thức ly thân nhau từ tháng 10/2017 đến nay không ai còn quan tâm đến ai, phận ai nấy ở, ông C không đồng ý việc bà làm đơn ly hôn ông, ông C nói cứ để sống như vậy, bà không chịu. Vì đã quá sức chịu đựng, sống trong cảnh bị vày vò, tâm trạng bất an kéo dài ngày này qua ngày khác. Từ những lẽ đó bà quyết định ly hôn với ông C, dù ông C không đồng ý, bà nhờ Tòa xem xét theo nguyện vọng của bà, để trả tự do cho cả hai.

Về con chung: Có 02 đứa đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Trong đơn kiện bà có kê khai một số tài sản là nhà và đất và có yêu cầu Tòa giải quyết chia 04 phần trong có phần các con nhưng bà thấy sự việc này để bà và ông C tự giải quyết sau khi ly hôn nên bà xin rút lại yêu cầu, không tranh chấp về vấn đề chia tài sản chung.

Về nợ chung: Còn nợ Ngân háng VietCombank Chi nhánh Tuy Phong 129.000.000đ gốc và lãi, đến nay chưa đến hạn trả gốc, bà xét thấy để khoản nợ này bà và ông C tự thỏa thuận, nếu bà và ông C vi phạm hợp đồng thì Ngân hàng kiện bà và ông C và ông bà sẽ chịu trách nhiệm đối với số nợ trên, vì khoản vay này có thế chấp tài sản.

Ngoài ra bà không có yêu cầu gì thêm.

Bị đơn ông Trần Đình C trình bày tại bản khai ngày 11/9/2019: Về hôn nhân: Ông C không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Trần Thị H, vì ông còn thương vợ con; Tài sản chung: ông không có ý kiến gì; Nợ chung: Để tự thỏa thuận. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ việc Tòa án có tống đạt giấy triệu tập cho ông C, ông có nhận giấy triệu tập nhưng không chịu đến Tòa để tham gia phiên họp và hòa giải.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu:

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong phát biểu về việc kiểm sát tuân theo pháp luật: Xác định mối quan hệ pháp luật cần giải quyết, thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 217, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H.

Về hôn nhân: Bà Trần Thị H được ly hôn với ông Trần Đình C.

Về con chung: Đã trưởng thành;

Về tài sản chung: Bà H đã xin rút yêu cầu nên đình chỉ về việc tranh chấp tài sản.

Về án phí: Xử lý theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa cũng như căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Đình C có nơi cư trú tại xã T, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Trần Thị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt các văn bản, thủ tục tố tụng nhưng không thực hiện được việc tống đạt được, do ông C không hợp tác nên Tòa đã thực hiện việc niêm yết công khai các thủ tục tố tụng, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông C theo thủ tục chung.

[3] Xét yêu cầu của bà Trần Thị H, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hôn nhân giữa bà Thu và ông C được xác lập trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại xã Ủy ban nhân dân xã K, huyện A, tỉnh Hà Tĩnh vào năm 1992. Sau đó đăng ký kết hôn lại tại UBND xã T vào năm 2011, huyện Tuy Phong Vì vậy, áp dụng luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Về hôn nhân: Hôn nhân của bà H và ông C thực sự đã mâu thuẫn trong thời gian dài, nguyên nhân là do ông C lâm vào cờ bạc, có tính gia trưởng, bạo lực gia đình, không có trách nhiệm với con cái cho nên bà H kiên quyết ly hôn để trả tự do cho bà. Xét thấy, giữa bà H và ông C hiện nay không còn sống chung, ly thân nhau trong 01 thời gian dài, vợ chồng không ai quan tâm đến ai, bà H kiên quyết ly hôn không trở về đoàn tụ gia đình, ông C không đồng ý ly hôn với bà H nhưng những gì bà H khai ông C không có ý kiến gì, chỉ có duy nhất tại bản tự khai ông C cho rằng ông còn thương vợ con nhưng trong thời gian chờ Tòa xét xử thì ông C cũng không tìm được phương án nào để ông và bà H trở về đoàn tụ gia đình, thậm chí tình trạng hôn nhân của hai người mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Hơn nữa trong quá trình giải quyết ông C còn cố tình lẫn tránh, không hợp tác với Tòa khi có giấy triệu tập, bất chấp mọi vấn đề bà H đưa ra. Chứng tỏ tình nghĩa vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H đối với ông C.

Về con chung: Các con đã trưởng thành

Về tài sản chung: Bà Trần Thị H đã xin rút yêu cầu phân chia tài sản chung, xét thấy việc rút yêu cầu của bà H là hoàn toàn tự nguyện, vì vậy đình chỉ giải quyết vụ án về việc tranh chấp phân chia tài sản chung;

Về nợ chung: Để tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Bà Trần Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; Hoàn trả tạm ứng án phí về tranh chấp chia tài sản chung cho bà Thu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 217, Điều 218, khoản 2 Điều 219, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 177, Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[2] Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị H đối với ông Trần Đình C. Bà H được ly hôn với ông C.

-Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết vụ án về việc tranh chấp phân chia tài sản chung;

- Về nợ chung: Không xem xét giải quyết;

- Về án phí: Bà Trần Thị H phải nộp **300.000đ** (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu số 0029507 ngày 06/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong.

Hoàn trả cho bà Trần Thị H **1.200.000đ** (Một triệu hai trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí về tranh chấp tài sản mà bà đã nộp theo biên lai thu số 0029508 ngày 06/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong

[3] Quyền kháng cáo của bà Trần Thị H là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12/02/2020), đối với ông Trần Đình C vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND (Tỉnh - Huyện);
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- UBND xã (thị trấn);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lý Văn Lấy